**MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU**

**Bài 1 :TÔI ĐI HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rõ ràng một VB tự sự ngắn và đơn giản , kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ nhất : đọc đúng vần yểm và tiếng , từ ngữ có văn này hiểu và trả lời các câu hỏi có biển quan đến VB ; quan sát , nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đủng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc ; hoàn thiện cấu dựa vào những từ ngữ cho sản và viết lại đúng câu đã hoàn thiện ; nghe viết một đoạn ngắn .

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh .

4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : tình cảm đối với bạn bè , thầy cô , trường lớp : khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm , cảm xúc của bản thân ; khả năng làm việc nhóm .

**II. CHUẨN BỊ**

1 , Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm VB tự sự , kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ nhất ; nắm được nội dung VB Tôi đi học , cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong VB .

- GV nắm được đặc điểm phát âm , cấu tạo vần yểm ; nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( buổi mai , âu yếm , bỡ ngỡ , tép ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này . 2. Kiến thức đời sống

Hiểu tâm lí chung của HS lớp 1 trong ngày đầu đến trường . Nắm được những hoạt động diễn ra ở trường lớp và xác định những hoạt động nào thường khiến HS thấy vui , thấy thân thiết với thầy cô , bạn bè ,. ..

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp , máy chiếu , màn hình , bảng thông minh

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** | |
| - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi  a , Hình ảnh bạn nào giống với em trong ngày đầu đi học ?  b . Ngày đầu đi học của em có gì đẳng nhớ ?  - GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài đọc Tôi đi học . ( Gợi ý : Chỉ rõ một bạn trong tranh và nêu điểm giống ( VD : khóc nhè , đến trường cùng các bạn khác , bố mẹ chở đi , vui vẻ chào bố mẹ ) . Kể lại một kỉ niệm trong ngày đầu đi học . ) | HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi  - Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác |
| **2. Đọc** | |
| - GV đọc mẫu toàn VB . Chú ý đọc đúng lời người kể ( nhân vật “ tôi ” ) , ngắt giọng nhấn giọng đúng chỗ . GV hướng dẫn HS luyện phát âm từ ngữ có vần mới  + GV đưa từ âu yếm lên bảng và hướng dẫn HS đọc . GV đọc mẫu vần yêm và từ âu yếm , HS đọc theo đồng thanh  + Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần , đọc trơn , sau đó , cả lớp đọc đồng thanh một số lần . HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng cầu lẫn 1. GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số tiếng khói quanh , nhiên , hiên , riêng .  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài . ( VD : Một buổi mai , mẹ âu yếm nắm tay tôi , dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp ; Con đường này tôi đã đi lại nhiều lần , nhưng lần này tự nhiên thấy lạ ; Tội nhin bat ngôi bên , người bạn chưa quen biết , nhưng không thấy xa lạ chút nào . )  HS đọc đoạn  + GV chia VB thành các đoạn ( đoạn 1 : từ đầu đến tôi đi học , đoạn 2 : phần còn lại ) . + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn , 2 lượt .  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB ( buổi mai : buổi sáng sớm , âu yếm : biểu lộ tình yêu thương bằng dáng điệu , cử chỉ , giọng nói ; bỡ ngỡ ngơ ngác , lúng túng vị chưa quen thuộc ; nép : thu người lại và áp sát vào người , vật khác để trinh hoặc để được che chở ) ,  + HS đọc đoạn theo nhóm  + GV đọc lại toản VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi . | + HS làm việc nhóm đối để tìm tử ngữ có vần mới trong bài đọc ( âu yếm ) .  HS đọc câu  HS đọc đoạn  + 1- 2 HS đọc thành tiếng toàn VB , |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi  a . Ngày đầu đi học , bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh ra sao ?  b . Những học trò tôi đã làm gì khi còn bỡ ngỡ ?  c . Bạn nhỏ thấy người bạn ngồi bên thế nào ?  GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình . Các nhóm khác nhận xét , tinh giả , GV và HS thống nhất câu trả lời ( a . Ngày đầu đi học , bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh đều thay đổi hoặc Ngày đầu đi học , bạn nhỏ thấy tất cả cảnh vật xung quanh đều thay đổi , con đường đang rất quen bỗng thành lạ ; b . Những học trò mới đúng tiếp bên người thân ; c . Bạn nhỏ cảm nhận người bạn ngồi bên không xa lạ chút nào ) . Lưu ý : GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS ( nếu cần ) . | HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi  - HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi bức tran minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi . |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3** | |
| - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi ( có thể trinh chiểu lên bảng một lúc để HS quan sát ) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở .  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu ; đặt dấu chấm , dấu phẩy đúng vị trí . GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS viết câu trả lời vào vở . ( a . Ngày đầu đi học , bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh đều thay đổi . ) |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện cầu và viết câu vào vở** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu .  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả .  - GV và HS thống nhất cầu hoàn chỉnh . ( Cô giáo âu yếm nhìn các bạn chơi ở sân trường . ) GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở . 1 tra và nhận xét bài của một số HS . | HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu  HS thống nhất cầu hoàn chỉnh |
| **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh** | |
| - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh . Yêu cầu HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dùng các từ ngữ đã gợi ý  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh , HS và GV nhận xét . | HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dùng các từ ngữ đã gợi ý |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết** | |
| - GV đọc to cả hai câu ( Mẹ dẫn tôi đi trên con đường làng dài và hẹp . Con đường này tôi đã đi lại nhiều mà sao thấy lạ . )  - GV lưu ý HS một số vần đề chính tả trong đoạn viết .  + Viết lùi đầu dòng . Viết hoa chữ cái đầu câu , kết thúc câu có dấu chấm .  + Chữ dễ viết sai chính tả : đường , nhiều , ... GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách , Đọc và viết chính tả :  + GV đọc từng câu cho HS viết . Mỗi cầu cần đọc theo từng cụm từ ( Mẹ đãn tối đi . trên con đường làng đài và đẹp . Con đường tôi đã đi lại nhiều mà sao thãy lạ . ) . Mỗi cụm tử đọc 2 - 3 lần . GV cần đọc rõ ràng , chậm rãi , phù hợp với tốc độ viết của HS . + Sau khi HS viết chính tả , GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà Soát lỗi  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách  HS viết  HS đối vở cho nhau để rà soát lối |
| **8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc Tôi đi học từ ngữ có tiếng chửa vần ương , ươn , ươi , ươu** | |
| - GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bằi . HS làm việc nhóm dội để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần ương , ươn , ươi , ươu.  - Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần , đọc trơn ; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ . Lớp đọc đồng thanh một số lần . | - HS nêu những từ ngữ tìm được . GV viết những từ ngữ này lên bảng . |
| **9. Hát một bài hát về ngày đầu đi học** | |
| GV đưa ra một vài câu hỏi giúp HS hiểu lời bài hát . HS nói một câu về ngày đầu đi học | - HS nghe bài hát qua băng đĩa , youtube hoặc qua sự thể hiện của một HS trong lớp . |
| **10. Củng cố** | |
| GV yều cầu HS nhắc lại những nội dung đã học .  GV tóm tắt lại những nội dung chính .  GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học . GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS . | . HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) |

**Bài 2: ĐI HỌC**

**I.MỤC TIÊU**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rõ ràng một bài thơ ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ , nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau , củng cố kiến thức về vần ; thuộc lòng bài thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ ; quan sát , nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận tử tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh .

3 , Phát triển phẩm chất và năng lực chung : tình cảm đối với trường lớp và thầy cô giáo ; khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm , cảm xúc của bản thân , khả năng làm . việc nhóm .

**II CHUẨN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm vững đặc điểm vần , nhịp và nội dung bài thơ Đi học của tác giả Hoàng Minh Chính ; biết hát bài hát Đi học do Bùi Đình Thảo phổ nhạc . GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( nương, thầm thì ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Kiến thức đời sống

- Sự khác biệt về khung cảnh của ngôi trường tiểu học ở vùng cao ( như được miêu tả trong bài thơ Đi học ) và ở các vùng khác , ví dụ ở thành phố , ở nông thôn miền Bắc , nông thôn miền Nam ...

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp , máy chiếu , màn hình , bảng thông minh .

Clip nhạc bài hát Đi học Của Bùi Đình Thảo

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ôn và khởi động** | |
| - Ôn : HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó .  - Khởi động  + GV yều cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi :  Các bạn trông như thế nào khi đi học ?  Nói vẽ cảm xúc của ca sau mỗi ngày đi học?  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài thơ Đi học . | HS nhắc lại  + Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đủ hoặc có câu trả lời khác . |
| **2. Đọc** | |
| - GV đọc mẫu cả bài thơ . Chú ý đọc diễn cảm , ngắt nghỉ đúng nhịp thơ .  HS đọc từng dòng thơ  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1. GV hướng dẫn HS luyện đọc một số tử ngữ có thể khó đối với HS ( tương , lặng , râm , ... ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2. GV hướng dẫn HS cách đọc , ngất nghỉ đúng dòng thơ , nhịp thơ .  - HS đọc từng khổ thơ  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ ,  + Một số HS đọc nối tiếp từng khố , 2 lượt .  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ ( nương : đất trồng trọt ở vùng đói núi ; thẩm thi : ở đây tiếng suối chảy nhẹ nhằng , khe khẽ như tiếng người nói thẳm với nhau ) .  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm .  + Một số HS đọc khó thở , mỗi HS đọc một khổ thơ , Các bạn nhận xét , đánh giá  - HS đọc cả bài thơ  +1 - 2 HS đọc thành tiếng ca bài thơ .  + Lớp học đồng thanh cả bài thơ . | HS đọc từng dòng thơ  - HS đọc từng khổ thơ  - HS đọc cả bài thơ |
| **3. Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm , cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng có vần giống nhau ở cuối các dòng thơ .  GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả .  GV và HS nhận xét , đánh giá .  GV và HS thống nhất câu trả lời . | HS làm việc nhóm , cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng có vần giống nhau ở cuối các dòng thơ .  HS viết những tiếng tìm được vào vở . |
| **4. Trả lời câu hỏi** | |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi  a . Vì sao hôm nay bạn nhỏ đi học một mình  b . Trường của bạn nhỏ , đặc điểm gì ?  c , Cảnh trên đường đến trường có gì ?  GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời . Các bạn nhận xét , đánh giá  - GV và HS thống nhất câu trả lời . | HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi  HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi , |
| **5. Học thuộc lòng** | |
| GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu hai khổ thơ đầu .  Một HS đọc thành tiếng hai khổ thơ đầu GV hướng dẫn HS học thuộc lòng hai khổ thơ đầu bằng cách xoá / che dần một số từ ngữ trong bài thơ cho đến khi xoả / che hết . HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị che dần . Chủ ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng hai khổ thơ . | HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá che dần |
| **6. Hát một bài hát về thầy cô** | |
| GV Sử dụng clip bài hát để cả lớp cùng hát theo , HS tập hát .  + HS hát theo từng đoạn của bài hát ,  + HS hát cả bài . |  |
| **7.Củng cố** | |
| GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học .  GV tóm tắt lại những nội dung chỉnh ..  GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học .  - GV nhận xét , khen ngợi , động viên | HS nhắc lại những nội dung đã học .  HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) |

**Bài 3 . HOÁ YÊU THƯƠNG**

**I.MỤC TIÊU**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rõ ràng một VB tự sự ngắn và đơn giản , kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ nhất ; đọc đúng vần oay và những tiếng , từ ngữ có các vẩn này ; hiểu và trả lời các câu hỏi có liên quan đến VB : quan sát , nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận tử tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đủng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc ; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sản và viết lại đúng cậu đã hoàn thiện , nghe viết một đoạn ngắn .

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh . 4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : tình cảm đối với thầy cô và bạn bè , khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm , cảm xúc của bản thân , khả năng làm việc nhóm .

**II. CHUẨN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của một VB tự sự , kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ nhất ; nội dung của VB Hoa yêu thương . GV nắm được đặc điểm phát âm , cấu tạo vẫn bay ; nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( hí hoáy , tỉ mỉ , nhuỵ hoa , nắn nót , sủng tạo ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Kiến thức đời sống

- Tìm hiểu những tấm gương cao đẹp của thầy cô giáo về lòng nhân hậu , đức hi sinh , hết lòng vì HS thân yêu qua liên hệ thực tế qua khai thác thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ... )

- Biết về các nhân vật hoạt hình trẻ em rất yêu thích : siêu nhân , mèo máy Đô - rê - mon ... để nắm bắt sở thích của HS trong lớp , giúp các em hiểu hơn nội dung bài đọc . 3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp , máy chiếu , màn hình , bảng thông minh .

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1 , Ôn và khởi động** | |
| - Ôn : HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đỏ  - Khởi động :  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi  a . Nói về việc làm của cô giáo trong tranh ;  b , Nói về thầy giáo khoác cô giáo của em .  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời ( Gợi ý : Cô giáo đang dạy HS tập viết ) , sau đó dẫn vào bài đọc Hoa yêu thương . | HS nhắc lại  HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi  + Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác . |
| **2. Đọc** | |
| GV đọc mẫu toàn VB . GV hướng dẫn HS luyện phát âm từ ngữ cóvần mới  + GV đưa tử hí hoáy lên bảng và hướng dẫn HS đọc . GV đọc mẫu văn oay và từ hí hoáy HS đọc theo đồng thanh ,  + Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần , đọc trơn , sau đó , cả lớp đọc đồng thanh một số lần . HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ khó : yêu , hí hoáy , nhuy , thich , Huy ( do có vần khó hoặc do đặc điểm phát âm thương ngữ của HS ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài . ( VD : Chúng tôi / treo bức tranh ở góc sáng tạo của lớp . )  HS đọc đoạn  + GV chia VB thành các đoạn ( đoạn 1 : từ đầu đến cái ria cong cong , đoạn 2 : phần con lại ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn , 2 lượt . GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài (hí hoáy : chăm chú và luôn tay làm việc gì đó ; tỉ mỉ : kĩ càng từng cái rất nhỏ ; nắn nót : làm cẩn thận từng tí cho đẹp , cho chuẩn ; sáng tạo , có cách làm mới ; nhuỵ hoa : bộ phận của một bông hoa , sau phát triển thành quả và hạt , thường nằm giữa hoa . )  + HS đọc đoạn theo nhóm . HS và GV đọc toàn VB .  + GV đọc lại toản VB và chuyển tiền sang phần trả lời câu hỏi . | + HS làm việc nhóm đối để tìm từ ngữ có vần mới trong bài đọc ( hí hoáy )  HS đọc theo đồng thanh  HS đọc đoạn  + 1- 2 HS đọc thành tiếng toàn VB |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi  a . Lớp của bạn nhỏ có mấy tổ ?  b . Bức tranh bông hoa bốn cánh được đặt tên là gì ?  c . Theo em , có thể đặt tên nào khác cho bức tranh ?  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình . Các nhóm khác nhận xét , đánh giá . GV và HS thống nhất câu trả lời ( a , Lớp của bạn nhỏ có bốn tổ ; b . Bức tranh bông hoa bốn cảnh được đặt tên là “ Hoa yêu thương ” : c . Có thể đặt tên khác cho bức tranh là : Hoa tình thương , Họa đoàn kết , Lớp học tiến yêu , Lớp học tối yêu , Bông hoa yêu thương , Bức tranh đặc biệt , ... ) . Lưu ý : GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS ( nếu cẩn ) . | HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi  - HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi . |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi cở mục** | |
| - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi c ( có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát ) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở . ( Bức tranh có thể đặt tên khác là ... ) GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu cầu ; đặt dấu chấm , dấu phẩy đúng vị trí . GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS quan sát và viết câu trả lời vào vở |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện cầu và viết cầu vào vở** | |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu . GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả . GV và thống nhất của hoàn thiện . ( Phương ngắm nhìn dòng chữ nắn nót trên bảng . )  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở .  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu |
| **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh** | |
| - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh .  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dùng các từ ngữ đã gợi ý .  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh . HS và GV nhận xét | HS quan sát tranh .  HS trình bày kết quả nói theo tranh |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết** | |
| - GV đọc to cả hai câu ( Các bạn đều thích bức tranh bông hoa bồn cát . Bức tranh được treo ở góc sáng tạo của lớp . )  - GV lưu ý HS một số vần đề chính tả trong đoạn viết .  + Viết lủi vào đầu dòng . Viết hoa chữ cái đầu cầu , kết thúc câu có dấu chăm .  + Chữ dễ viết sai chính tả : thích , tranh , GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách . Đọc và viết chính tả :  + GV đọc từng câu cho HS viết . Mỗi cầu cần đọc theo từng cụm từ ( Các bạn để thích / bức tranh bông hoa bối cảnh . Bức tranh được treo ở góc sáng tạo của lớp ) . Mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần . GV cần đọc rõ ràng , chậm rãi , phù hợp với tốc độ viết của HS .  + Sau khi HS viết chỉnh tả , GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà Soát lỗi  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách  HS viết  + HS đối vở cho nhau để rà soát lỗi . |
| **8. Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa** | |
| GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu .  - GV nêu nhiệm vụ . HS làm việc nhóm đối để tìm những chữ phù hợp . | - Một số ( 2 - 3 ) HS lên trình bày kết quả trước lớp ( có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng ) . Một số HS đọc to các từ ngữ . Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần . |
| **9. Vẽ một bức tranh về lớp em ( lớp học , thầy cô , bạn bè , ... ) và đặt cho bức tranh em vẽ** | |
| - GV cho HS chuẩn bị dụng cụ vẽ ( bút , giấy , ... ) và gợi ý nội dung về : vẽ cảnh lớp học , vẽ một góc lớp học , một đổ vặt thân thiết trong lớp học , về thầy cô , nhóm bạn bè , vẽ một bạn trong lớp ... ,  - Hướng dẫn HS đặt tên tranh để thể hiện nội dung , ý nghĩa bức tranh , Tên tranh có thể đặt theo nghĩa thực ( Lớp tôi , Cô giáo tôi , Bạn thân , Góc sáng tạo của lớp , ... ) hoặc theo nghĩa bóng ( Nơi yêu thương ấy Ấm áp tình thản , ... ) .  - GV và HS khác nhận xét . | HS chuẩn bị dụng cụ vẽ ( bút , giấy , ... ) và gợi ý nội dung về : vẽ cảnh lớp học , vẽ một góc lớp học , một đổ vặt thân thiết trong lớp học , về thầy cô , nhóm bạn bè , vẽ một bạn trong lớp ...  HS đặt tên tranh  3 - 4 HS dán tranh lên bảng và nói về bức tranh vừa vẽ ( nội dung , ý nghĩa , mục dich , ... ) . |
| **10. Củng cố** | |
| GV yều cầu HS nhắc lại những nội dung đã học . GV tóm tắt lại những nội dung chỉnh . -. GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học .  - GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS . | HS nhắc lại những nội dung đã học  HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) |

**Bài 4 : CÂY BÀNG VÀ LỚP HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rõ ràng một bài thơ , hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ ; nhận biết một số tiếng củng vần với nhau , củng cố kiến thức về vần ; thuộc lòng hai khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ ; quan sát , nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận tử tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh .

3. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : tình yêu đối với trường lớp , thầy cô và bạn bè ; khả năng làm việc nhóm ; khả năng nhận ra những vần đề đơn giản và đặt câu hỏi . **II CHUẨN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn GV nắm được đặc điểm vắn , nhịp và nội dung của bài thơ Cây bàng và lớp học , nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài thơ tán lá , xanh mướt , tưng bừng ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Phương tiện dạy học Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính phần mềm phù hợp , máy chiếu , màn hình , bảng thông minh

**III .HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ôn và khởi động** | |
| Ôn : HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đỏ  Khởi động :  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi.  a.Tranh vẽ cây gì ?  b . Em thường thấy cây này ở đâu ? .  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài thơ Cây bàng và lớp học . | HS nhắc lại  + Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nếu cáu trả lời của các bạn chưa thấy đủ hoặc có câu trả lời khác ... |
| **2. Đọc** | |
| GV đọc mẫu toàn bài thơ . Chú ý đọc diễn cảm , ngắt nghỉ đúng nhịp thơ .  HS đọc từng dòng thơ  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1. GV hướng dẫn HS luyện đọc một số tử ngữ có thể khó đối với HS ( xoe , xanh mướt , quản , buổi , tưng bừng ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2. GV hướng dẫn HS cách đọc , ngắt nghỉ dùng dòng thơ , nhịp thơ  HS đọc từng khổ thơ  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ .  + Một số HS đọc nối tiếp từng khổ , 2 lượt  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ ( tán lá : là cây tạo thành hình như cái thân ( GV nên trình chiếu hình ảnh minh hoạ ) : xanh mướt ; rất xanh và trông thích mắt , tưng bừng : nhộn nhịp , vui vẻ ) .  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm .  + Một số HS đọc khó thở , mỗi HS đọc một khổ thơ . Các bạn nhận xét , đánh giá .  HS đọc cả bài thơ  +1 - 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ .  + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ . | HS đọc từng dòng thơ  HS đọc từng khổ thơ  HS đọc cả bài thơ |
| **3. Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm , cùng đọc lại bài thơ về tim những tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ . HS viết những tiếng tìm được vào vở .  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả . GV và HS nhận xét , đánh giả .  - GV và HS thống nhất câu trả lời ( giả - ra , bài – mai – lại , nắng - vắng , bừng - mừng) | HS làm việc nhóm , cùng đọc lại bài thơ về tim những tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ . HS viết những tiếng tìm được vào vở |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4. Trả lời câu hỏi** | |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi  a . Trong khổ thơ đầu , cây hàng như thế nào ?  b . Cây hàng ghé cửa lớp để làm gì ?  c . Thứ hai , lớp học như thế nào ?  - GV và HS thống nhất câu trả lời . ( a . Cây bàng trồng đã lâu năm ( già ) , nnưng vẫn xanh tốt ( Tán lá xoè ra /Như ô xanh mướt ) ; b . Cây bàng ghé cửa lớp để nghe cô giáo giảng bài ; c . Thứ hai , lớp học nhộn nhịp và vui vẻ ( tưng bừng ) . | - HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi . GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời . Các bạn nhận xét , đánh giá . |
| **5. Học thuộc lòng** | |
| GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu hai khổ thơ đầu ,  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng hai khổ thơ đầu bằng cách xoả che cần một số tử ngữ trong hai khổ thơ này cho đến khi xoi / che hết . HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá / che dấn , Chủ ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng cả hai khổ thơ . | - Một HS đọc thành tiếng hai khổ thơ đầu .  HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá / che dần |
| **6. Trò chơi Ngôi trường mơ ước : Nhìn hình nói tên sự vật** | |
| - Mục tiêu : mở rộng và tích cực hoả vốn tử theo chủ đề trường học .  - Nội dung : GV sử dụng những hình ảnh không gian trường học trên slide hoặc tranh vẽ ,  Chia nhóm để chơi , nhóm nào doán nhanh và trung nhiều nhất là thẳng | HS nhìn hình ảnh để gọi tên không gian của trường học |
| **7.Củng cố** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học .  - GV tóm tắt lại những nội dung chính .  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học  - GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS . | HS nhắc lại những nội dung đã học .  HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) |

**Bài 5 : BÁC TRONG TRƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rõ ràng một VB thông tin ngắn viết dưới dạng tự sự ; đọc đúng vẫn cng và tiếng , từ ngữ có vần này , hiểu và trả lời các câu hỏi có liên quan đến VB ; quan sát , nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận tử tranh được quan sát ,

2. Phát triển ki năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc ; hoàn thiện cầu dựa vào những từ ngữ cho sản và viết lại đúng cầu đã hoàn thiện ; nghe viết một đoạn ngắn .

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh .

4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : ý thức tuân thủ nền nếp học tập ( đi học đúng giờ , theo hiệu lệnh ở trường học ) ; khả năng làm việc nhóm ; khả năng nhận ra những vần đề đơn giản và đặt câu hỏi ,

**II. CHUẨN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của VB thông tin ( không có yếu tố hư cấu , mục đích chính là cung cấp thông tin ) và nội dung của VB Bác trống trường

- GV nắm được đặc điểm phát âm , cấu tạo vẫn cg , nắm được nghĩa của một số từ ngữ khó trong VB ( đẫy đà , nâu bóng , bảo hiệu ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này

2. Kiến thức đời sống

- GV có những hiểu biết về trống trường Chinh dáng , kích thước , màu sắc , âm thanh , vị trí kế đặt , ý nghĩa văn hoá của tiếng trống trường ... ) , về các hoạt động trong ngày lễ khai trương

- GV hiểu được tác dụng của trồng trong các hoạt động tập thể khác ở trường : bảo hiệu giờ học , điều khiến tập thể dục , tập đội ngũ , xếp hàng chào cờ đầu tuần ...

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp , máy chiếu , màn hình , bảng thông minh

**II .HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động** | |
| Ôn ; HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó .  Khởi động  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi  a . Em thấy những gì trong tranh ?  b . Trong tranh , đồ vật nào quen thuộc với tín nhất ?  Nó được dùng để làm gì ?  . GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài đọc Bắc trồng trường ( Gợi ý : Trong tranh , thấy hiệu trưởng đang đánh trống khai giảng . Đằng sau thấy là phòng chữ " Lễ khai giảng năm học 2020 2021 " . Phía dưới cỏ HS dự lễ khai giảng tay cầm cỡ nhỏ , ... Tuỳ theo ý kiến cá nhân , HS có thể nêu lên một hoặc một vải đổ vật mà các em cảm thấy quen thuộc và nói về chức năng của đồ vật đó . VD : trống trường - báo giờ học , sân khấu - nơi biểu diễn văn nghệ , ... ) | HS nhắc lại  + Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác |
| **2. Đọc** | |
| GV đọc mẫu toản VB .  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm từ ngữ chửa vẫn mới  + HS làm việc nhóm đôi để tìm tử ngữ chứa vần mới trong VB ( reng reng ) .  + GV đưa tử reng reng lên bảng và hướng dẫn HS đọc . GV đọc mẫu vần eng và từ reng reng HS đọc theo đồng thanh .  - HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ khổ như : tiếng , dõng dạc , chuông điện , thỉnh thoảng , ring reng ...  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài , ( VD : Ngày khai trường / tiếng của tôi dõng dạc " tùng ... tùng ... tùng ... " / báo hiệu một năm học mới ; Bảy giờ có thêm anh chuông điện , / thỉnh thoảng cũng " rừng " reng ... reng ” bảo giờ học ; Nhưng tôi vẫn là người bạn thân thiết của các cô cậu học trò ,  HS đọc đoạn  + GV chia VB thành các đoạn ( đoạn 1 : từ đầu đến bao giờ , đoạn 2 : tiếp theo đến năm học mới , đoạn 3 : phần còn lại ) .  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài ( đẫy đà : to tròn , mập mạp ; nâu bỏng màu nâu và có độ nhẵn , bóng bảo hiệu cho biết một điều gì đó sắp đến ) .  + HS đọc đoạn theo nhóm  - HS và GV đọc toản VB  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi | HS luyện phát âm từ ngữ chửa vẫn mới  - HS đọc câu  HS đọc đoạn  + 1-2 HS đọc thành tiếng toàn VB . |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi** | |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi  a . Trong trường có vẻ ngoài như thế nào ?  b . Hằng ngày , trống trường giúp học sinh việc giữ  c . Ngày khai trường , tiếng trống bảo hiệu điều gì ?  GV đọc từng câu hỏi vã gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình . Các nhóm khác nhận xét , đánh giá . GV và HS thống nhất câu trả lời ( a . Trong trường có vẻ ngoài đẫy đà , nước da nâu bóng : b . Hằng ngày , trong trường giúp học sinh ra vào lớp đúng giờ ; c . Ngày khai trường , tiếng trống báo hiệu một năm học mới đã đến . ) .  Lưu ý : GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung cảu hỏi để dẫn dắt HS ( nếu cần ) . | HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi  - . HS làm việc nhóm ( có thể đọc lọ từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi . |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3** | |
| - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi b ( có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát ) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở . ( Hằng ngày , trong trường giúp học sinh ra vào lớp đúng giờ . )  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu cầu , đặt dấu chấm , dấu phẩy đúng vị trí GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS quan sát và viết câu trả lời vào vở |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện cảu và viết câu vào vở** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu .  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả . GV và HS thống nhất câu hoàn thiện . ( Năm nào cũng vậy , chúng em háo hức chờ đón ngày khai trường . )  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở . GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu |
| **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh** | |
| - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh .  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dung các từ ngữ đã gợi ý .  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh . HS và GV nhận xét . | HS quan sát tranh .  HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dung các từ ngữ đã gợi ý  HS trình bày kết quả nói theo tranh |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết** | |
| - GV đọc to cả hai câu . ( Thỉnh thoảng có chuông điện bao giờ học . Nhưng trong trường vẫn là người bạn gần gũi của học sinh . ) GV lưu ý HS một số vần đề chính tả trong đoạn viết ,  + Viết lùi vào đầu dòng . Viết hoa chữ cái đầu cầu , kết thúc câu có dấu chăm .  + Chữ dễ viết sai chính tả : chuông điện .  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách . Đọc và viết chính tả :  + GV đọc từng câu cho HS viết . Mỗi cầu cần đọc theo từng cụm từ ( Titỉnh thoảng cổ chuông điện / bảo giờ học . / Nhưng trống trường vẫn là người bạn gần gũi của học sinh ) . Mỗi cụm tử đọc 2 - 3 lần . GV cần đọc rõ rằng , chậm rãi , phù hợp với tốc độ viết của HS .  + Sau khi HS viết chỉnh tả , GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi ..  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách  HS viết  + HS đối vở cho nhau để rà soát lối |
| **8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc “Bác trống trường” từ ngữ có tiếng chứa vần ang , an , au , ao** | |
| - GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS tử ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài .  . GV viết những từ ngữ này lên bảng .  - Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần , đọc trơn ; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ . Lớp đọc đồng thanh một số lần . | - HS làm việc nhóm đối để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chửa các vần đang an , au , ao .  - HS nêu những từ ngữ tìm được |
| **9. Đọc và giải câu đố** | |
| - GV đưa tranh về chuông điện , trống trường , bàn ghế , bảng lớp và lần lượt đưa ra các cầu đố : Ở lớp , mặc áo đen , xanh Với anh phấn trắng , đã thành bạn thân . ( Bảng lớp ) “ Reng reng " là tiếng của tôi Ra chơi , vào học , tôi thời bảo ngay . ( Chuông điện )  - Giáo viên có thể đưa thêm các câu đố dưới đây ( tuỳ vào tình hình thực tế của lớp học ) .  + Thân bằng gỗ Mặt bằng da Hệ động đến Là kêu la Gọi bạn tới Tiến bạn về Đứng đầu hè cho người đánh . ( Trong trường ) Hai đầu , một mặt , bổn chắn , Các bạn trẻ nhỏ kết thân hằng ngày . ( Bàn ghế )  - GV có thể nói thêm về đặc điểm ( chất liệu , hình dáng , kích thước , mầu sắc , ... ) và công dụng của 4 vật dụng trên .  Câu trả lời gợi ý : Bảng lớp thường bằng gỗ , có mặt phẳng , ta rộng , màu đen hoặc xanh , dùng để viết chữ lên , chuông điện : vật làm bằng kim loại , phát ra âm thanh nhà nguồn điện , dùng để tự động báo giờ bắt đầu hoặc kết thức hoạt động nào đó . Trống trường bằng gỗ , hai đấu bọc da , thân tròn , dùng để bảo giờ vào học , giở ra về , giờ ra chơi , bão năm học mới . Bàn ghế thường bằng gỗ , cỏ mặt phẳng , có chân đứng vững , dùng để kẻ viết và ngồi . ) .  - 2- 3 HS trình bày trước lớp .  - GV và HS khác nhận xét . | - Một số ( 2 - 3 ) HS đọc câu đố .  HS giải câu đố về các vật dụng thân thiết với trường học và nói về công dụng của mỗi vật . |
| **10. Củng cố** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học GV tóm tắt lại những nội dung chính GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học .  - GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS . | - HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) . |

**Bài 6 . GIỜ RA CHƠI**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rõ ràng một bài thơ ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ , nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau , củng cố kiến thức về vần , thuộc lòng một số khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thư ; quan sát , nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh .

3. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : tình cảm và sự gắn kết với bạn bè , khả năng làm việc nhóm ,

**II. CHUẨN BỊ**

1. Kiến thức ngữ văn GV nắm được đặc điểm vần , nhịp và nội dung của bài thơ Giờ ra chơi ; nghĩa của các từ ngữ khó trong bài thơ ( nhịp nhàng , vun vút ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Phương tiện dạy học Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính phần mềm phù hợp , máy chiếu , màn hình , bảng thông minh

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ôn và khởi động** | |
| - Ôn : HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó .  - Khởi động  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi .  a . Trong giờ ra chơi , em và các bạn thường làm gì ?  b . Em cảm thấy thế nào khi ra chơi  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dần vào bài thơ Giờ ra chơi . | HS nhắc lại  + Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi . Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác . |
| **2. Đọc** | |
| GV đọc mẫu bài thơ . Chủ ý đọc diễn cảm , ngắt nghỉ đúng nhịp thơ .  HS đọc từng dòng thơ  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1 , GV hướng dẫn HS luyện đọc một số tử ngữ có thể khó đối với HS .  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2. GV hướng dẫn HS cách đọc , ngất nghỉ đúng dòng thơ , nhịp thơ  HS đọc từng khổ thơ  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ .  + Một số HS đọc nối tiếp từng khố , 2 lượt .  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ ( nhịp nhàng : rất đều ; vun vút : rất nhanh ) .  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm ,  + Một số HS đọc khổ thơ , mỏi HS đọc một khổ thơ . Các bạn nhận xét , đánh giá .  HS đọc cả bài thơ  + Lớp học đồng thanh cả bài thơ . | HS đọc từng dòng thơ  HS đọc từng khổ thơ  +1 - 2 HS đọc thành tiếng củ hải thơ |
| **3. Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vẳn với nhau** |  |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm , cùng đọc lại bài thơ vả tìm tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ  . GV và HS thống nhất câu trả lời ( trắng - nắng , gái - ái - tai - tải , nhàng - vang - vàng - trang ) . | HS làm việc nhóm , cùng đọc lại bài thơ vả tìm tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ  HS viết những tiếng tìm đượC vào vở . GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả , GV và HS nhận xét , đánh giá |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4. Trả lời câu hỏi** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi  a . Những trò chơi nào được nói tới trong bài ?  b . Những từ ngữ nào cho biết các bại chơi trò chơi rất giỏi ?  c . Giờ ra chơi của các bạn như thế nào ?  - GV và HS thống nhất câu trả lời ( a . Trò chơi nhảy dây và trò chơi đá cấ ; b . nhịp nhàng , vòng quay đều , bay vun vút , móc rất tài ; c . Giờ ra chơi của các bạn vui , rộn tiếng cười hoà Vang . ) . | - HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi và trả lời từng cấu hỏi . GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời . Các bạn nhận xét , đánh giá , |
| **5. Học thuộc lòng** | |
| GV treo bảng phụ hoặc trình chiểu khổ thơ thứ hai và thứ ba .  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng khổ thơ thứ hai và thứ ba bằng cách xoả che dần một số từ ngữ trong hai khổ thơ cho đến khi xoả che hết .. Chủ ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng hai khổ thơ này . | - Một HS đọc thành tiếng khổ thơ thứ hai và thứ ba  HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá che dần |
| **6. Trò chơi Nhìn hình đoán tên trò chơi** | |
| - Chuẩn bị : GV chuẩn bị một số thẻ tranh về trò chơi dân gian như Bịt mắt bắt dê , Chơi chuyển , Trốn tìm , Cướp cờ , Kéo co , Nhảy bao bố , Tranh bóng  ( Lưu ý : tuỳ theo lượng thời gian , GV có thể sử dụng số trò chơi nhiều hay ít ) .  Cách chơi : GV tạo một số nhóm chơi , số HS trong mỗi nhóm có thể linh hoạt , GV gọi 1 HS đại diện cho nhóm 1 lên bàng quan sát tranh ( Lưu ý : mặt sau của tranh quay về phía lớp học sao cho HS trong lớp không quan sát được tranh ) . Sau khi quan sát tranh , HS này có nhiệm vụ dùng ngôn ngữ cơ thể để mô tả trò chơi được vẽ trong tranh . Các thành viên còn lại của nhóm có nhiệm vụ quan sát và nói được tên trỏ chơi . Phần thắng thuộc về nhóm trả lời đúng , nhanh , mô phỏng trò chơi chính xác . Lần lượt đến nhóm 2 , nhóm 3 và các nhóm tiếp theo ,  - Thời gian quy định cho mỗi lượt chơi : 1 phút  Nhóm mất lượt chơi là nhóm trả lời sai hoặc hết thời gian quy định nhưng chưa tìm được đáp án , Trò chơi được tổ chức thành hai vòng . Mỗi nhóm quan sát một tranh , | HS tham gia trò chơi |
| **7.Củng cố** | |
| GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học .  GV tóm tắt lại những nội dung chính .  GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học . GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS .  GV giao nhiệm vụ cho HS tìm một bài thơ hoặc một câu chuyện về trường học để chuẩn bị cho bài học sau . GV cũng cần chủ động chuẩn bị một số bài thơ , câu chuyện về trường học để cung cấp thêm nguồn tài liệu đọc mở rộng cho HS . | HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) .  HS tiếp nhận NV |

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức , kĩ năng đã học trong bài Mái trường niên yêu thông qua thực hành nhận biết và đọc những tiếng có vần khó vừa được học ; ôn và mở rộng vốn từ ngữ dùng để nói về nhà trường ; thực hành đọc mở rộng một bài thơ , một câu chuyện hay hát bài hát về trường học , nói cảm nghĩ về bài thơ , câu chuyện hoặc bài hát ; thực hành nói và viết sáng tạo về một chủ điểm cho trước ( nhà trưởng ) .

- Bước đầu có khả năng khái quát hoả những gì đã học thông qua một số nội dung được kết nối từ các văn bản đã được học trong bài .

**II .CHUẨN BỊ**

- Phương tiện dạy học : Một số bài thơ , câu chuyện , bài hát về chủ điểm nhà trường ( có thể lấy từ tủ sách của lớp ) để HS dọc hoặc tập hát ngay tại lớp .

- Có thể dùng thiết bị máy chiếu để trình chiếu các vần HS cần luyện đọc .

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Tìm từ ngữ có tiếng chứa vẫn yêm , iêng , eng , uy , oay** | |
| - GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cẩn tim có thể đã học hoặc chưa học . Tuy nhiên , do một số vần trong các văn trên không thật phổ biến nền HS chủ yếu tìm trong các văn bản đã học . GV nên chia các vần này thành 2 nhóm ( để tránh việc HS phải ôn một lần nhiều vần ) và HS thực hiện nhiệm vụ theo từng nhóm vần .  Nhóm vần thứ nhất :  + HS làm việc nhóm đối để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chữa các vần về yêm , iêng , eng + HS nêu những từ ngữ tìm được , GV viết những từ ngữ này lên bảng .  + Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần , đọc trơn ; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ . Cả lớp đọc đồng thanh một số lẩn .  - Nhóm vần thứ hai :  + HS làm việc nhóm đối để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chữa các vần uy , oay ,  + HS nêu những từ ngữ tìm được . GV viết những từ ngữ này lên bảng  + Một số ( 2 – 3 ) HS đảnh vần , đọc trơn ; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ , Cả lớp đọc đồng thanh một số lần | HS thực hiện nhiệm vụ theo từng nhóm vần |
| **2. Tìm tử ngữ về trường học** | |
| - GV có thể gợi ý : Trong các từ ngữ đã cho , từ ngữ nào chỉ những người làm việc ở trường ? Từ ngữ nào chỉ đố vật dùng để dạy và học ? Từ ngữ nào chỉ không gian , địa điểm trong trường ... Một số ( 2 - 3 ) HS trình bày kết quả . GV và HS thống nhất phương án đúng . Những từ ngữ về trường học lớp học , thầy giáo , cô giáo , hiệu trưởng , bút , vở , sách , bảng . Lưu ý HS là không phải từ ngữ nào chỉ sự vật , hoạt động có ở trường thì cũng là từ ngữ về trường học , chẳng hạn cây bàng , cửa sổ , ghế đá , vi chơi , ... không phải là từ ngữ về trường học | - HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ . |
| **3. Kể về một ngày ở trường của em** | |
| - GV có thể gợi ý : Em thưởng đến trường lúc mấy giờ ? Rời khỏi trường lúc mấy giờ ? Ở trường , hằng ngày , em thường làn những việc gì ? Việc gì em thấy thú vị nhất ? ... Một số HS trình bày trước lớp , nói về một ngày ở trường của minh . Một số HS khác nhận xét , đánh giá , GV nhận xét , đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách kể hấp dẫn , nêu được những chi tiết thú vị . Nói rõ các ưu điểm để HS cùng học hỏi . | - HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ . |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4. Viết 1-2 cầu về trường em** | |
| - GV yêu cầu HS trình bày những gì đã trao đổi về ngôi trường trong tranh và nói về ngôi trường của mình , từng HS tự viết 1- 2 cầu về trường theo suy nghĩ riêng của mình . Nội dung viết có thể dựa vào những gì mà các em đã trao đổi kết hợp với nội dung mà GV và một số bạn đã trình bày trước lớp . GV nhận xét một số bài , khen ngợi một số HS viết hay , sáng tạo | - HS làm việc nhóm đối , quan sát tranh vẽ ngôi trường và trao đổi với nhau về những gì quan sát được , |
| **5. Đọc mở rộng** | |
| - Trong buổi học trước , GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm một bài thơ hoặc một câu chuyện về trường học . GV cũng có thể chuẩn bị một số bài thơ , câu chuyện phù hợp ( có thể lấy từ tủ sách của lớp ) và cho HS đọc ngay tại lớp .  - GV nhận xét , đánh giá và khen ngợi những HS đọc thơ , kể chuyện hấp dẫn hoặc chia sẻ một số ý tưởng thú vị . Nói rõ các ưu điểm để HS củng học hỏi tóm tắt lại nội dung chính , nhận xét , khen ngợi , động viên HS . | - HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 4. Các em đọc thơ , kể chuyện hay nói về bài thơ , câu chuyện mới đọc được cho bạn nghe . Một số ( 3 – 4 ) HS đọc thơ , kể chuyện hoặc chia sẻ ý tưởng bài thơ , truyện kể đã đọc trước lớp .  - Một số HS khác nhận xét , đánh giá |

**LUYỆN TẬP .**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Bài 1. TÔI ĐI HỌC** | |
| Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu :  + tôi , đi học , hôm nay  + Cũng , nhớ , ngày đầu , ai , đến trường  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đối . Một số ( 2 – 3 ) nhóm trình bày kết quả . GV và HS thống nhất phương án đúng . ( Hôm nay tôi đi học . Ai cũng nhớ ngày đất đến trường . HS cũng có thể viết : Tôi đi học hôm nay , / Ngày đầu đến trường , ai Cũng nhở , ) HS viết vào vở các cầu đã được sắp xếp đúng . | HS làm việc nhóm đối . Một số ( 2 – 3 ) nhóm trình bày kết quả |
| **Bài 2. ĐI HỌC** | |
| - Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở GV yêu cầu  -HS sắp xếp các từ ngữ trong dòng sau thành câu : điều hay cô giáo , chúng tôi , nhiều , dạy ,  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi . Một số ( 2 - 3 ) nhóm trình bày kết quả . GV và HS thống nhất phương án đúng . ( Cô giáo củay chúng tôi nhiều điều hay ) HS viết vào vở cấu đã được sắp xếp đúng . | HS làm việc nhóm đối . Một số ( 2 – 3 ) nhóm trình bày kết quả |
| **Bài 3. HOA YÊU THƯƠNG** | |
| Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu :  + cả lớp , cô giáo , vẽ , dạy , con mèo  + lên , tranh , chúng tôi , treo tường  GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi . Một số ( 23 ) nhóm trình bày kết quả , GV và HS thống nhất phương án đúng . ( Cô giáo đay cả lớp vẽ co mèo . / Chủng lỗi treo tranh lên tường . )  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng . | HS làm việc nhóm đôi . Một số ( 23 ) nhóm trình bày kết quả |
| **Bài 4. CÂY BÀNG VÀ LỚP HỌC** | |
| Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong dòng sau thành câu :  tán lá , như , xoè ra , một chiếc ô , bàng  GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi . Một số ( 2 - 3 ) nhóm trình bày kết quả . GV và HS thống nhất phương án đúng . ( Tân là hàng xoè ra như một chiếc .. ) HS viết vào vở câu đã được sắp xếp đúng | HS làm việc nhóm đôi . Một số ( 2 - 3 ) nhóm trình bày kết quả |
| **Bài 5. BÁC TRONG TRƯỜNG** | |
| **1. Kết hợp từ ngữ ở A và B GV yêu cầu HS kết hợp từ ngữ ở A và B**  A B  Anh chuông điện có thân hình mập mạp ,  Tiếng trống thay bác trống báo giờ học  Bác trống trường dõng dạc vang lên trong ngày khai trưởng  GV hướng dẫn HS tìm sự phù hợp giữa tử ngữ ở cột A với tử ngữ ở cột B , 2 - 3 HS trình bày  - GV và HS nhận xét .  - GV và HS thống nhất đáp án : “ Anh chuông điện ” kết hợp với “ thay bác trống báo giờ học ” , “ Tiếng trống " kết hợp với “ dõng dạc vang lên trong ngày khai trường ” , “ Bác trống trường " kết hợp với " có thân hình mập mạp . )  **2. Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở**  GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong dòng sau thành câu :  + bàn, ghế, mùi , còn , gỗ , thơm .  + người bạn , là , trong trường của chúng tôi , thân thiết .  GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đồi để sắp xếp các từ ngữ thành cầu . - Một số ( 2 – 3 ) nhóm trình bày kết quả . GV và HS thống nhất phương án đúng . ( Bàn ghế còn thơm mùi gỗ . / Trong trường là người bạn thân thiết của chúng tôi hoặc Người bạn thân thiết của chúng tôi là trong trường . ) HS viết vào vở câu đã được sắp xếp đúng Bài | dẫn HS tìm sự phù hợp giữa tử ngữ ở cột A với tử ngữ ở cột B , 2 - 3 HS trình bày  HS làm việc nhóm đồi để sắp xếp các từ ngữ thành cầu . - Một số ( 2 – 3 ) nhóm trình bày kết quả . |
| **6. GIỜ RA CHƠI** | |
| **1. Viết đúng chính tả một khổ thơ trong bài**  Giờ ra chơi vào vở GV trình chiếu đoạn thơ sai chính tả:  Chống báo giờ ra chơi  Từng đàn chim áo chắng  Sếp sách vở mau thôi  Ùa ra ngoài sân lắng  yêu cầu HS chú ý đến những từ được tô đậm .  GV và HS thống nhất phương án đúng . GV viết những từ đủng chỉnh tả lên bảng hoặc trình chiếu đoạn thơ với những từ đã được chỉnh sửa .  - HS viết vào vở đoạn thơ đã được sửa lỗi chính tả .  Trống báo giờ ra chơi  Từng đàn chim áo trắng  Xếp sách vở mau thôi  Ùa ra ngoài sân nắng  **2. Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở**  - GV yều cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong dòng sau thành câu ; đang Dương , đọc , và , Tân , truyện GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi . Một số ( 2 - 3 ) nhóm trình bày kết quả , GV và HS thống nhất phương án đúng . ( Dương và Tân đang đọc truyện hoặc Tân và Dương đang đọc truyện . )  - HS viết vào vở đã được sắp xếp đúng . | - HS làm việc nhóm đối để trao đổi xem những từ được tô đậm viết sai như thế nào , viết lại thế nào thì đúng .  - Một số ( 2 - 3 ) HS cho biết hình thức viết đúng chính tả của những từ được tô đậm .  HS làm việc nhóm đôi . Một số ( 2 - 3 ) nhóm trình bày kết quả |